TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **01**/2018/KDTM-ST
Ngày: 28-11-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh

Ông Nguyễn Hữu Cương

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Đông Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp "hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2018/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: NH AB

Địa chỉ: 170 HBT, phường ĐK, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện của nguyên đơn: Ông T_nđd, sinh năm 1977 theo giấy ủy quyền số 379/UQ-TGĐ.18 ngày 20/3/2018 của NH AB. Địa chỉ: 40 TP, phường VT, thành phố Rạch Giá, Kiên Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: - Anh Tôn Văn T_bđ1, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

- Chị Trần Thị Mỷ D_bđ2, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị B_nlq1, sinh năm 1937 (Vắng mặt)

- Anh Trần Văn N_nlq2, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/9/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của NH AB trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 01/9/2015 NH AB viết tắt là "NH AB" cho anh Tôn Văn T_bđ1 và chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 vay vốn theo hợp đồng tín dụng số 355/15/TD/XXIII với các nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay 300.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh (mua bán thức ăn gia súc), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 01/9/2016. Thời hạn của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng quá thời hạn này việc cho vay sẽ do NH AB xem xét chấp nhận. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất trên sẽ thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của NH AB. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho hợp đồng tín dụng số 355/15/TD/XXIII ngày 01/9/2015 do anh Tôn Văn T_bđ1 và chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 đã ký hợp đồng thế chấp tài sản gồm:

- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã TH, huyện An Minh thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 71/2015 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 195897, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01108 do Ủy ban nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/5/2015;
- Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã TH, huyện An Minh thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 72/2015 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 195898, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH 01109 do Ủy ban nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang cấp ngày 14/5/2015;

Hợp đồng được công chứng tại phòng công chứng số 1, tỉnh Kiên Giang ngày 01/9/2015 và được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất- Phòng tài nguyên và môi trường huyện An Minh ngày 01/9/2015.

NH AB đã giải ngân đúng theo nội dung, ông Tôn Văn T_bđ1, bà Trần Thị Mỷ D_bđ2 đã được thực hiện việc rút vốn vay tại NH AB theo giấy nhận nợ số 355.02/15/GNN/XXIII ngày 11/03/2016 với tổng số tiền là 300.000.000 đồng, lãi suất 11%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Tính đến ngày 22/8/2017 ông T_bđ1, bà D_bđ2 còn nợ ngân hàng tổng số tiền 357.750.259 đồng (nợ gốc 300.000.000đ, lãi 57.750.259 đồng).

Đại diện NH AB yêu cầu anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 phải trả cho NH AB số tiền vay còn thiếu là 357.750.259 đồng (nợ gốc 300.000.000đ, lãi 57.750.259 đồng) tính đến ngày 22/8/2017 và lãi phát sinh theo theo hợp đồng

tín dụng. Đồng thời xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BV 195897 và số BV 195898 do anh Tôn Văn T_bđ1 đứng tên được Uỷ ban nhân dân huyện An Minh cấp ngày 14/5/2015 để đảm bảo cho việc trả nợ vay của NH AB.

Bị đơn anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 không có lời trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/10/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B_nlq1 trình bày: Bà và Tôn Văn T_bđ1, Trần Thị Mỷ D_bđ2 không có bà con họ hàng gì. Phần đất hiện nay anh T_bđ1, chị D_bđ2 đang thế chấp tại ngân hàng NH AB có nguồn gốc là của vợ chồng bà, sau đó vợ chồng bà thống nhất cho lại con trai là Trần Văn N_nlq2 toàn bộ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Trần Văn N_nlq2 đứng tên. Còn việc chuyển tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Trần Văn N_nlq2 sang Tôn Văn T_bđ1 như thế nào thì bà không hay biết và cũng không biết Tôn Văn T_bđ1 vay tiền như thế nào. Trên phần đất này có căn nhà của bà và một số tài sản trên đất, ngoài ra trên đất còn có ngôi mộ của chồng bà là ông Trần Văn T_lq chết năm 2006. Nay bà có ý kiến đối với yêu cầu của Ngân hàng bà không đồng ý tự nguyện di dời nhà và ngôi mộ của chồng bà ngoài ra bà không có ý kiến yêu cầu gì.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/6/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn N_nlq2 trình bày: Trước đây do anh nợ Ngân hàng không trả đúng quy định nên bị chuyển sang nợ xấu, do đó không thể vay tiền ở Ngân hàng được vì vậy anh đã chuyển tên quyền sử dụng đất do anh đứng tên cho Tôn Văn T_bđ1 đứng tên với hình thức làm thủ tục chuyển nhượng để T_bđ1 đứng tên quyền sử dụng đất. Sau khi T_bđ1 đứng tên quyền sử dụng đất thì T_bđ1 trực tiếp đi vay 300.000.000đ tại NH AB. Khi đó, T_bđ1 có đưa cho anh nhận 125.000.000 đồng, số tiền còn lại T_bđ1 quản lý, sử dụng. Sau khi vay anh là người trực tiếp trả tiền lãi cho Ngân hàng được nhiều lần nhưng không nhớ là bao nhiêu. Hiện trên phần đất có căn nhà xây tường chiều ngang 7,2 mét x dài 19 mét và ngôi mộ của cha anh là ông Trần Văn T_lq chết năm 2006.

Nay anh có ý kiến trường hợp Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng buộc T_bđ1, D_bđ2 trả nợ đồng thời xác định tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 355/15/TC/XXIII ngày 01/9/2015 để phát mãi tài sản thì đến khi án có hiệu lực, cơ quan thi hành án thi hành anh có ý kiến không đồng ý để cơ quan thi hành án cưỡng chế thi hành tài sản, cũng không đồng ý tự nguyện di dời nhà và ngôi mộ của cha anh, ngoài ra anh không trình bày và yêu cầu gì khác.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy: Phần đất thế chấp có tổng diện tích 16.346,3m^2 gồm 2 thửa: thứa số 1 LUK diện tích 14.793,4 m^2 và thửa số 2

ONT+CLN diện tích 1.552,9m^2. Trên đất có căn nhà của bà B_nlq1, anh N_nlq2, 01 ngôi mộ của ông Trần Văn T_lq (chồng bà B_nlq1, cha anh N_nlq2) xây vào năm 2006. Nhà và đất tọa lạc tại ấp B, xã TH, huyện An Minh, Kiên Giang do bà B_nlq1, anh N_nlq2 đang trực tiếp quản lý, sử dụng.

- *Kiểm sát viên phát biểu:*

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự: Thẩm phán tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn Tôn Văn T_bđ1, Trần Thị Mỷ D_bđ2; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B_nlq1, anh Trần Văn N_nlq2 chưa thực hiện đúng theo quy định của pháp luật (vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử).

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 phải trả cho Ngân hàng NH AB số tiền 357.750.259 đồng (nợ gốc 300.000.000đ, lãi 57.750.259 đồng) tính đến ngày 22/8/2017 và lãi phát sinh theo hợp đồng đến khi thi hành xong tiền vay gốc. Đồng thời, xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số BV 195897 và số BV 195898 do anh Tôn Văn T_bđ1 đứng tên được Uỷ ban nhân dân huyện An Minh cấp cùng ngày 14/5/2015 để đảm bảo cho việc thu hồi nợ vay của NH AB.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Nguyên đơn với bị đơn thiết lập hợp đồng tín dụng hạn mức vay tài sản với mục đích kinh doanh; sau khi vay bị đơn không trả tiền nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay. Do đó, đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại và quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn anh T_bđ1, chị D_bđ2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B_nlq1, anh N_nlq2 đều vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng anh T_bđ1, chị D_bđ2, bà B_nlq1, anh N_nlq2 vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đồng thời tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn ông T_nđd không yêu cầu HĐXX hoãn phiên tòa. Vì vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án

vắng mặt bị đơn Tôn Văn T_bđ1, Trần Thị Mỷ D_bđ2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị B_nlq1, Trần Văn N_nlq2 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở để xác định giữa NH AB (do Chi nhánh Kiên Giang ký) và anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 355/15/TD/XXIII ngày 01/9/2015 số tiền vay tổng cộng 300.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh (mua bán thức ăn gia súc), thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 01/9/2015 đến ngày 01/9/2016. Thời hạn của mỗi món vay được ghi trên giấy nhận nợ, không quá 06 tháng quá thời hạn này việc cho vay sẽ do NH AB xem xét chấp nhận. Lãi suất vay được quy định trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất trên sẽ thay đổi định kỳ 03 tháng/lần theo chính sách của NH AB. Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Ngày 03/9/2015, ông T_bđ1, bà D_bđ2 đã ký nhận vốn vay với lãi suất trong hạn là 11%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng giữa các bên có nội dung và hình thức phù hợp pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo thỏa thuận. Bên vay là ông T_bđ1, bà D_bđ2 đã không trả đủ tiền khi đến hạn là vi phạm thỏa thuận tại khoản 2 Điều 8 của Hợp đồng tín dụng hạn mức đã ký kết và quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 (luật có hiệu lực tại thời điểm giao kết). Tiền lãi được tính đúng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T_bđ1, chị D_bđ2 trả tiền vay là có căn cứ nên cần chấp nhận toàn bộ. HĐXX buộc anh T_bđ1, chị D_bđ2 trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 300.000.000đ và tiền lãi đến ngày 26/11/2018 gồm lãi trong hạn 10.312.759đ và lãi quá hạn 110.825.000đ, tổng cộng là 421.137.759đ. Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án tiền vay do tổ chức tín dụng cho vay, áp dụng Án lệ số 08/2016/AL công bố theo quyết định số 698/QĐ - CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao để tính lãi chậm trả.

[4] Để đảm bảo khoản vay, các bên đã ký hợp đồng thế chấp số 355/15/TC/XXIII ngày 01/9/2015. Theo đó, bên anh T_bđ1, chị D_bđ2 thế chấp cho Ngân hàng 2 thửa đất gồm thửa số 01 tờ bản đồ số 71/2015 diện tích 15.841m^2 và thửa số 01 tờ bản đồ số 72/2015 diện tích 2.217 m^2 tọa lạc ấp B, xã TH, An Minh, Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 195897 và số BV 195898 do Uỷ ban nhân dân huyện An Minh cấp ngày 14/5/2015 cho ông Tôn Văn T_bđ1 đứng tên.

[5] Xét hợp đồng thế chấp thấy rằng, QSD đất do anh T_bđ1 đứng tên trên Giấy chứng nhận QSD đất. Khi ký kết hợp đồng thế chấp trên đất có tài sản của người thứ 3 (là bà B_nlq1, ông N_nlq2), các bên chỉ thế chấp QSD đất; hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký do đó có nội dung và hình thức phù hợp pháp luật nên là hợp đồng hợp pháp. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, khi ký kết bên thế chấp và bên nhận thế chấp (ngân hàng) biết rõ trên đất có tài sản của người thứ ba và tài sản đó không thế chấp. Giải pháp pháp lý được đưa ra tại Án lệ số 11/2017/AL được công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là "*trường hợp này, khi giải quyết Tòa án phải dành cho chủ sở hữu nhà trên đất được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng QSD đất đó nếu họ có nhu cầu*". Do đó, khi xử lý tài sản thế chấp phải ưu tiên cho người có nhà trên đất là bà B_nlq1, anh N_nlq2 quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nếu họ có nhu cầu.

[6] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B_nlq1, anh Trần Văn N_nlq2 không yêu cầu độc lập nên HĐXX không xem xét. Khi nào có phát sinh tranh chấp về QSD đất đối với phần đất thế chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án: Bị đơn anh T_bđ1, chị D_bđ2 phải chịu 20.000.000đ + 4% x (421.137.759đ – 400.000.000đ) = 20.845.510đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.418.000đ, bị đơn phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm nộp số tiền này nên bị đơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho nguyên đơn số chi phí này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 351, 355, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 91 và Điều 94 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL

công bố theo quyết định số 698/QĐ - CA ngày 17/10/2016 và Án lệ số 11/2017/AL công bố theo Quyết định số 299/QĐ-CA ngày 28/12/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Buộc anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 trả cho NH AB tổng cộng 421.137.759đ (nợ gốc 300.000.000đ, lãi tính đến ngày 26/11/2018 là 131.137.759đ).

"Kể từ ngày tiếp theo của ngày 26/11/2018, anh T_bđ1, chị D_bđ2 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay".

2. Khi án có hiệu lực pháp luật, nếu anh T_bđ1, chị D_bđ2 trả nợ xong bao gồm cả khoản nợ gốc và lãi cho NH AB thì NH AB phải giải chấp, trả cho anh T_bđ1, chị D_bđ2 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 195897 và số BV 195898 được Uỷ ban nhân dân huyện An Minh cấp cùng ngày 14/5/2015 do anh Tôn Văn T_bđ1 đứng tên.

3. Nếu anh T_bđ1, chị D_bđ2 không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên cho NH AB thì NH AB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 01 tờ bản đồ số 71/2015 và thửa số 01 tờ bản đồ số 72/2015 được Uỷ ban nhân dân huyện An Minh cấp ngày 14/5/2015 do anh Tôn Văn T_bđ1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại ấp B, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang (có tổng diện tích 16.346,3m^2 theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 01 tháng 11 năm 2018) để đảm bảo thu hồi nợ.

4. Khi phát mại tài sản thế chấp ưu tiên cho bà Nguyễn Thị B_nlq1 và anh Trần Văn N_nlq2 quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đó nếu họ có nhu cầu.

5. Về án phí:

- Anh Tôn Văn T_bđ1, chị Trần Thị Mỷ D_bđ2 phải chịu 20.845.510đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Hoàn trả cho NH AB số tiền tạm ứng án phí 8.943.756đ đã nộp theo biên lai số 0008568 ngày 16/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Anh T_bđ1, chị D_bđ2 chịu 3.418.000đ. Do NH AB đã nộp số tiền này nên anh T_bđ1, chị D_bđ2 có trách nhiệm hoàn trả cho NH AB số tiền 3.418.000đ.

7. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2018); đương sự vắng mặt tại phiên tòa (anh T_bđ1, chị D_bđ2, bà B_nlq1, anh N_nlq2) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Chí Công